

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+P1+VSP01	7:25	22+0+0	0+0+0		16+0+0	0+0+0	chuyen 6 p1- vsp01
2		PPD+P9+RP1	7:25	22+0+0	0+0+0		17+0+0	0+0+0	chuyen 5 p9- rp1
3		CLI+P10+TD1	7:25	22+0+0	0+0+0		17+1+0	0+0+0	chuyen 4 p10- td1
4		AMD+CTK3+BK20	9:25	17+4+0	0+0+0		17+4+1	0+0+0	chuyen 1 ctk3- bk20
5		TD2+CLI+PPD	9:25	10+7+5	0+0+0		1+13+8	0+0+0	
6		Chợ CTK3+BK16+GTC1	9:25	9+6+6	0+0+0		6+5+10	0+0+0	Ước tính STC4/CEO

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
l/1 nguoi Rp2 về qua TD2

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/11/2022	TO: CTK3 - P1 - VSP01	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO -	ETA: 09:10
XANH-1		QTrưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	CTK3	48	1	4		65	HVJOC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC TUẤN	CTK3	63-64	2	14		68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM MINH TUẤN	CTK3	53	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THANH HẢI	CTK3	50-51	2	6		68	KH-THAC	Vietnamese
5	SMIRNOV S.S	CTK3	57	1	8	80	93	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	47	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HIỆU	CTK3	65	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HỮU DƯƠNG	CTK3	54	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	49	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	43-44	2	11		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ ĐÌNH THAM	CTK3	58	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	66	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ TRỌNG TUẤN	CTK3	45	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	60-61	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	55-56	2	7		55	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH KHOÁT	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
18	VÕ MẠU MÈN	CTK3	46	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH DIỆN	CTK3	42	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	62	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
22	LY BĂNG	CTK3	52	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

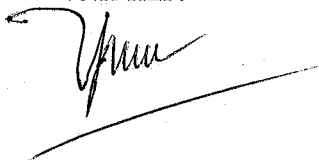
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	25	136	1.566	80	16		CHUYEN 6 PAX TU PI SANG VSP01
2	P1	0	0	0	0	2	076		
3	VSP01	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	25	136	1.566	82	16		
WEIGHT KG				136	1.566	82			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT:	TO: PPD - P9 - RP1	CREW: Dương - Linh - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN THẮNG	PPD	48	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TUÔNG ANH CẠC	PPD	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TÂN	PPD	41	1	5	120	70	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯU VIỆT DŨNG	PPD	47	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	45-46	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	42	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ HIỀN THANH	PPD	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	34	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	KLY	PPD	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN THANH QUANG	PPD	52	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	31	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH BA NINH	PPD	39	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH NAM	PPD	36-37	2	12		64	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TIỀN	PPD	43-44	2	15		67	CODIEN	Vietnamese
20	LÊ MẠNH HÙNG	PPD	53	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
21	BUI KHÁC THUY	PPD	54-55	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	25	150	1.443	120	17		CHUYEN 05 PAX TU P9 SANG RP1
2	P9	0	0	0	0	0	0	5	
3	RP1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	25	150	1.443	120	17		
WEIGHT KG				150	1.443	120			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/11/2022	TO: CLI - P10 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: N0 3	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG HIỀN	CLI	64	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
2	DOKUCHAEV V. L.	CLI	69	1	15		97	KH-THAC	Russian
3	KHAVANZHAN R. I.	CLI	67-68	2	11		77	KH-THAC	Russian
4	VŨ MINH TIẾN	CLI	66	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ QUỐC THỊNH	CLI	62-63	2	17		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT HÒA	CLI	60	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ANH VIỆT	CLI	59	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC NGHI	CLI	74	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN KHANH	CLI	58	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG QUỐC VIỆT	CLI	55-56	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	65	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN ĐOÀN	CLI	57	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI PHÚC LINH	CLI	71	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI NGỌC THIẾT	CLI	61	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN DŨ	CLI	72	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	CLI	77	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ HAI HẬU	CLI	54	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN NHAN	CLI	70	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ HAI ĐĂNG	CLI	78	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH LONG	CLI	73	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MINH ĐỨC	CLI	75-76	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	21	25	152	1.507	0	17		CHUYEN 4 PAX P10 - TD1
2	P10	0	0	0	0	0	1	4	
3	TD1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	25	152	1.507	0	18		
WEIGHT KG				152	1.507	0			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT:	TO: AMD - CTK3 - BK20	CREW: CHIẾN - MTHAO - QTrưởng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH SỰ	AMD	33-34	2	7		65	PSV	Vietnamese
2	PHAM VAN AN	AMD	32	1	7		70	HLJOC	Vietnamese
3	TRAN ANH QUAN	AMD	45	1	10		65	TLJOC	Vietnamese
4	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	44	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LA THANH	AMD	49	1	8	20	78	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG LÊ ANH DŨNG	AMD	38	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	40	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN LE HONG VU	AMD	39	1	5		65	TLJOC	Vietnamese
9	NGUYEN DUC TOAN	AMD	51	1	7		67	TLJOC	Vietnamese
10	TRAN DUC LOC	AMD	52-54	3	17		65	TLJOC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN THỊN	AMD	41	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG KIẾN	AMD	35	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO CÔNG BÌNH	AMD	42-43	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	46-47	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN DŨNG	AMD	48	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN BA QUÂN	AMD	36-37	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN TRỌNG BĂNG	AMD	55	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI THANH HOẠT	CTK3	56	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ TRỌNG NGHĨA	CTK3	51-52	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	57	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ CHÍ CÔNG	CTK3	33	1	5	18	90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	23	157	1.209	20	17		CHUYEN 1 PAX CTK3-BK20
2	CTK3	4	5	31	283	18	4		
3	BK20	0	0	0	0	0	1 + 1		
TOTAL		21	28	188	1.492	38	22		
WEIGHT KG				188	1.492	38			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/11/2022	TO: TD2 - CLI - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Dương - Linh - Toan	ETA: 11:25
Cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG QUYẾT THĂNG	TD2	93	1	15		77	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VIET HUÂN	TD2	96	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO VĂN HIẾU	TD2	95	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	TD2	94	1	13		91	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN MINH TUÂN	TD2	90	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN AN NINH	TD2	91	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ HỒNG QUÂN	TD2	100	1	12		92	SINHHUNG	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HỒNG	TD2	97	1	12		67	SINHHUNG	Vietnamese
9	VĂN VÔ THIÊN	TD2	92	1	11		68	SINHHUNG	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THÔNG	TD2	98-99	2	12		65	SINHHUNG	Vietnamese
11	LẠI TUÂN ANH	CLI	46-47	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN BAO ANH	CLI	50	1	14		78	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN TUYẾN	CLI	51	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NHẬT HUNG CƯỜNG	CLI	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THIÊN PHƯỚC	CLI	48	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	CLI	52	1	8		95	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LINH	CLI	53	1	4		48	YTE	Vietnamese
18	VU VĂN KHA	PPD	03	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
19	VÔ KIM THÔNG	PPD	04	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐẶNG ANH TUÂN	PPD	05-06	2	13	20	50	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN NAM ĐẠI	PPD	09-10	2	12	2	60	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ KHÁNH	PPD	07-08	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

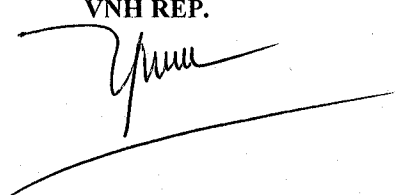
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	10	11	123	742	0	0		
2	CLI	7	8	56	525	0	13		
3	PPD	5	8	59	305	22	8		
TOTAL		22	27	238	1.572	22	21		
WEIGHT KG				238	1.572	22			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

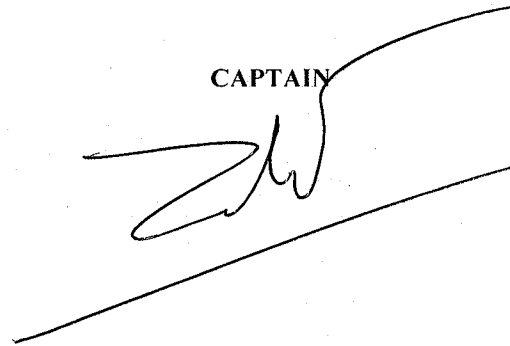
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2022	TO: CLO-CTK3 - BK16 - GTC1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: N0 6	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - DTùng	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐĂNG MINH ĐỨC	CTK3	77	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
2	PANKRATOV ARKADIY	CTK3	17	1	13		102	ANTOAN	Russian
3	VŨ TRỌNG THANH	CTK3	72-73	2	10		77	BA SON	Vietnamese
4	RCOM ELI	CTK3	78	1	8		79	BA SON	Vietnamese
5	ĐÌNH HOÀNG LONG	CTK3	67-68	2	11		70	BA SON	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THOẠI	CTK3	71,74,80	3	14		61	BA SON	Vietnamese
7	TRƯỜNG VĂN HOÀNG	CTK3				71	74	BA SON	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN TOÀN	CTK3	79	1	14		80	BA SON	Vietnamese
9	LÊ CÔNG HUNG	BK16	90	1	5	40	60	PSV	Vietnamese
10	PHAN THANH NAM	BK16	86	1	12		78	PSV	Vietnamese
11	LŨU VĂN SƠN	BK16	91	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	87	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TRƯỜNG AN	BK16	92	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HÀ	BK16	88-89	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ QUANG HÀ	GTC1	26	1	7	30	75	PSV	Vietnamese
16	DƯƠNG CHÍ TUYẾN	GTC1	27	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	17	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỒNG MINH	GTC1	25	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG TRẦN KHÁNH	GTC1	28	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	0	0	0	0	0	1		
2	CTK3	8	11	78	633	71	6		
3	BK16	6	7	42	444	40	5		
4	GTC1	5	5	46	377	30	10		
TOTAL		19	23	166	1.454	141	22		
WEIGHT KG				166	1.454	141			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+RP1+VSP01	9.25	4+7+0	0+0+0		11+5+6	0+0+0	

TTBBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2022	TO: TD1 - RP1 - VSP01	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH HOÀNG	TD1	01	1	5	50	67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HIỆP	TD1	03	1	5		69	SEAMAP	Vietnamese
3	DƯƠNG QUỐC HUY	TD1	02	1	6		69	SEAMAP	Vietnamese
4	HOÀNG XUÂN THI	TD1	08	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN NĂNG KHOA	RP1	02-03	2	18	13	57	DUY LINH	Vietnamese
6	CAO THẾ HÙNG	RP1	07-08	2	16		65	DUY LINH	Vietnamese
7	PHẠM CÔNG HẬU	RP1	04	1	12		63	DUY LINH	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH SƠN	RP1	06	1	12		65	DUY LINH	Vietnamese
9	TRẦN MINH TRUNG	RP1	05	1	10		65	DUY LINH	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TỰ	RP1	01	1	11		63	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	4	23	280	50	11		
2	RP1	6	8	79	378	13	5		
3	VSP01	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		10	12	102	658	63	22		
WEIGHT KG				102	658	63			

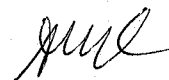
GRAND TOTAL: 823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+P4+AMD	7:25	4+18+0	0+0+0		0+18+1	0+0+0	
2		BK21+P9+PPD	7:25	2+7+13	0+0+0		2+0+20	0+0+0	
3		P1+PPD+RP1	7:25	7+9+6	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
4		RP2+RP1+TD5	9:25	8+13+1	0+0+0		5+12+5	0+0+0	
5		RP3+TD1	9:25	22+0	0+0		12+6	0+0	
6		RP3+P5+P7	9:25	21+1+0	0+0+0		7+2+4	0+0+0	

TTBBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/11/2022	TO: P10 - P4 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - Huy	ETA: 09:10
xanh-1			

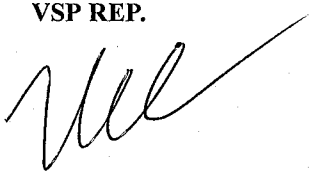
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHAFIZOV M.M	P10	32	1	5		90	D-HANH	Rus
2	NGUYEN QUANG HUY	P10				20	70	D-HANH	Vietnamese
3	DUONG THANH TUNG	P10	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	BAEV I.U.M	P10					90	ANTOAN	Russian
5	NGUYEN QUOC HAI	P4	86-87	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NAM	P4					70	KHI	Vietnamese
7	ZAGUDAEV VITALI	P4	79	1	5		80	KHI	Russian
8	LE VAN HOAN	P4	88	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	LE VAN MANH	P4					65	KHI	Vietnamese
10	VU NGOC TUAN	P4	90	1	5		80	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN HONG PHUC	P4	94	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	PHAM QUOC DUY	P4	92	1	5		60	KHI	Vietnamese
13	TRAN VAN PHUC	P4	93	1	5		67	KHI	Vietnamese
14	VU DINH CUONG	P4	99	1	5		75	KHI	Vietnamese
15	TRAN CONG VUONG	P4	96	1	5	45	55	PSV	Vietnamese
16	LE HOANG THI	P4	85	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	DOAN VAN MUOI	P4	91	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
18	DOAN VAN KHUU	P4	98	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	BUI QUANG HUY	P4	89	1	7		90	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN MINH DUC	P4	83-84	2	5		90	KHI	Vietnamese
21	LE QUANG VINH	P4	97	1	5		67	KHI	Vietnamese
22	TRINH XUAN HUYEN	P4	95	1	5		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

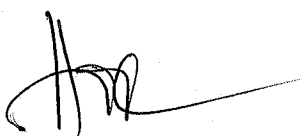
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	4	2	10	320	20	0		
2	P4	18	18	91	1.269	45	18		
3	AMD	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	20	101	1.589	65	19		
WEIGHT KG				101	1.589	65			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/11/2022	TO: BK21 - P9 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VTHU - Hạnh - D Sơn	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ TRỌNG NHIÊN	BK21	13-14	2	15	40	52	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN GIA CUÔNG	BK21	10	1	10	28	70	KH-THAC	Vietnamese
3	KADYROV O.R	P9	45	1	4		88	D-HANH	Russian
4	TRẦN ANH TUÂN	P9	47	1	3		75	D-HANH	Vietnamese
5	SHMIDT A.A	P9	44	1	4		104	D-HANH	Russian
6	MIRSIPOV R.R	P9	46	1	8		105	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN BA CUÔNG	P9	48	1	4		80	ANTOAN	Vietnamese
8	BUI THANH LONG	P9	50	1	7		54	NAM TIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG HAI NAM	P9	49	1	17		62	NAM TIEN	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	68	1	3		70	KHI	Vietnamese
11	OKOVANTSEV GENNADY	PPD	78	1	17		112	KHI	Russian
12	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	74	1	5		76	KHI	Vietnamese
13	VÕ VĂN QUYÊN	PPD	75	1	4		75	KHI	Vietnamese
14	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	79	1	5		74	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC LAM	PPD	80	1	8	80	74	KHI	Vietnamese
16	ĐO VĂN TUÂN	PPD	77	1	3		75	KHI	Vietnamese
17	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	73	1	4		74	KHI	Vietnamese
18	TRỊNH VĂN CUÔNG	PPD	72	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	NGÔ SỸ THANH	PPD	67	1	5		88	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	76	1	10		75	KHI	Vietnamese
21	TRƯỜNG HAI HÀ	PPD	71	1	7		73	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG TÂN NGHĨA	PPD	69-70	2	8		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	2	3	25	122	68	2		
2	P9	7	7	47	568	0	0		
3	PPD	13	14	84	1.005	80	20		
TOTAL		22	24	156	1.695	148	22		
WEIGHT KG				156	1.695	148			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: P1 - PPD - RP1	CREW: XHOÀN - VThắng - Quân - Cường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC TUẤN	P1	96	1	8		67	D-HANH	Vietnamese
2	KOMPASENKO E.I	P1					91	D-HANH	Russian
3	NGUYỄN VIỆT HUNG	P1	99	1	4		90	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀI VŨ	P1	95	1	3		63	D-HANH	Vietnamese
5	IVANOV V.Y	P1					86	D-HANH	Russian
6	KRAMARENKO	P1	100	1	7		65	KH-THAC	Russian
7	DƯ TRẦN HUNG	P1	97-98	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN ĐỨC	PPD	41	1	5	12	50	PSV	Vietnamese
9	HOANG QUỐC LONG	PPD	01	1	5	110	56	PSV	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC HUNG	PPD	37	1	2		58	KHI	Vietnamese
11	LÊ TRUNG LÂN	PPD	40	1	5		80	KHI	Vietnamese
12	LÊ THANH TRUNG	PPD	35	1	2		64	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ HUNG	PPD	36	1	2		71	KHI	Vietnamese
14	CAO NAM QUY	PPD	33	1	4		70	KHI	Vietnamese
15	TRỊNH QUỐC THANH	PPD	38-39	2	10		98	KHI	Vietnamese
16	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	34	1	4		60	KHI	Vietnamese
17	HA QUỐC VINH	RP1	04	1	3		69	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH THÂN	RP1	09-10	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN XUÂN MẠNH	RP1	11-12	2	22		98	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN DUY ANH	RP1	13-14	2	14		69	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐÀO HAI TÙNG	RP1	05-06	2	12		75	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	RP1	07-08	2	23		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	7	6	32	537	0	0		
2	PPD	9	10	39	607	122	16		
3	RP1	6	11	90	446	0	6		
TOTAL		22	27	161	1.590	122	22		
WEIGHT KG				161	1.590	122			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/11/2022	TO: RP2 - RP1 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

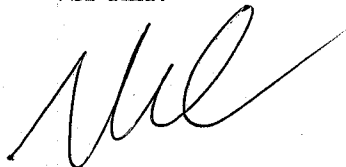
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO TRUNG KIEN	RP2	74	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI CONG THANH	RP2	71-72	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN HUU TUAN	RP2	73	1	10	70	60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN ANH TUAN	RP2	75	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
5	LE TAT THANH	RP2	76-77	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN LOI	RP2	68-69	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
7	LAM HUU TUNG	RP2	70	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRUONG CONG THIN	RP2	66-67	2	10		70	SINHHUNG	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC HUNG	RP1	19	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
10	HOA QUANG THANG	RP1	21-22	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
11	LE VIET HUY	RP1	32-33	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN VAN HOC	RP1	17	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM BA HOANG	RP1	20	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
14	TRUONG HUY TRONG	RP1	23	1	10		65	DUY LINH	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC HOI	RP1	26	1	10		67	DUY LINH	Vietnamese
16	LE TIEN THUAT	RP1	16	1	10		70	DUY LINH	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG DIEP	RP1	28-29	2	10		67	DUY LINH	Vietnamese
18	TRUONG VAN THANG	RP1	24-25	2	15		70	DUY LINH	Vietnamese
19	LUONG VIET HOP	RP1	30-31	2	15		68	DUY LINH	Vietnamese
20	VO VAN HAI	RP1	27	1	10		70	DUY LINH	Vietnamese
21	ĐẶNG TRỌNG ĐÔNG	RP1	18	1	10		78	DUY LINH	Vietnamese
22	MAI TRUONG TRUNG	TD5	55	1	5		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	8	12	95	545	70	5		
2	RP1	13	18	150	891	0	12		
3	TD5	1	1	5	65	0	5		
TOTAL		22	31	250	1.501	70	22		
WEIGHT KG				250	1.501	70			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/11/2022	TO: RP3 - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VTHU - Hạnh - DSon	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHARITONOV YURY	RP3	55	1	6		77	KHI	Russian
2	HA VAN THUY	RP3	51	1	5		72	KHI	Vietnamese
3	ĐOÀN MẠNH TOÀN	RP3	46	1	7	130	85	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	41	1	3		74	KHI	Vietnamese
5	BUI VĂN PHU	RP3	56-57	2	5		72	KHI	Vietnamese
6	PHẠM VĂN KÝ	RP3	58	1	3		65	KHI	Vietnamese
7	HOANG VĂN HAI	RP3	52	1	6		60	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CÚ	RP3	54	1	5		57	KHI	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	47-48	2	8		82	KHI	Vietnamese
10	VÕ ĐÓN LONG	RP3	42	1	7	23	71	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	45	1	3		63	KHI	Vietnamese
12	PHẠM HỒNG LINH	RP3	33	1	5		75	KHI	Vietnamese
13	KHÔNG TIẾN DUNG	RP3	34	1	5		78	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH KHOAN	RP3	37	1	10	10	58	NIPI	Vietnamese
15	VU BAO THANH	RP3	36	1	6		78	NIPI	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY QUY	RP3	53	1	5		68	PSV	Vietnamese
17	LÊ THANH HAI	RP3	43	1	5		66	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC THANH	RP3	49-50	2	7		81	PSV	Vietnamese
19	BUI ĐỨC KHANH	RP3	35	1	7		57	PSV	Vietnamese
20	TRẦN TUẤN ANH	RP3	44	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN LÊ	RP3	40	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	RP3	39	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	25	138	1.572	163	12		
2	TD1	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	25	138	1.572	163	18		
WEIGHT KG				138	1.572	163			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	TO: RP3 - P5 - P7	CREW: XHOÀN - VThắng - Quân - Cương	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOMARITSKYKH	RP3	95	1	7		90	KH-THAC	Russian
2	LY HUYNH	RP3	85-86	2	14		64	KHI	Vietnamese
3	NGÔ SỸ PHÚ	RP3	84	1	6		74	KHI	Vietnamese
4	CAO CHIẾN THẮNG	RP3	88	1	5		65	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HOANG	RP3	89	1	5		78	KHI	Vietnamese
6	THAI DOÀN VIỆT	RP3	87	1	7		68	KHI	Vietnamese
7	DOÀN XUÂN CHIẾN	RP3	83	1	6		68	KHI	Vietnamese
8	TRƯƠNG PHÚ KHÁNH	RP3	80-81	2	15		77	KHI	Vietnamese
9	THÔNG HUNG KHANG	RP3	78	1	10		77	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH DANH	RP3	82	1	7		70	KHI	Vietnamese
11	BUI ĐĂNG CHÂU KIỂM	RP3	79	1	7		80	KHI	Vietnamese
12	VY BAO ĐẠT	RP3	77	1	7		70	KHI	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH CHUÔNG	RP3	99	1	3	15	70	KHI	Vietnamese
14	ĐỒNG VĂN NGỌC	RP3	96	1	5		64	KHI	Vietnamese
15	TRẦN HOANG KHANH	RP3	94	1	7		67	KHI	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC KHÁNH	RP3	400	1	10		56	KHI	Vietnamese
17	KIỀU VĂN DANH	RP3	92	1	6		67	KHI	Vietnamese
18	TRẦN HỮU TÍNH	RP3	93	1	6		68	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP3	90-91	2	12		70	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN NGOC CUONG	RP3	73	1	5	20	77	KHI	Vietnamese
21	TRAN XUAN NGHINH	RP3	72	1	7		73	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	81-82	2	9	20	60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	24	157	1.493	35	7		
2	P5	1	2	9	60	20	2		
3	P7	0	0	0	0	69	4		
TOTAL		22	26	166	1.553	124	13		
WEIGHT KG				166	1.553	124			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/1/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3-TD5+TD1	7:25	12+7+2	0+0+0		2+5+14	0+0+0	
2		RC5+BK14+CLO	7:25	4+3+15	0+0+0		0+1+15	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: BK3 - TD5 - TD1	CREW: Dương - Linh - QTrưởng	ETA: 09:20

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU XUAN TAM	BK3	29	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG TUYEN	BK3	30	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HAI LAM	TD5	08	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN TRI	TD5	13	1	10	60	71	KHOAN	Vietnamese
5	LE NGOC LUAN	TD5	12	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGO DUY NGOC	TD5	11	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN THUC	TD5	10	1	12		84	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM THANH TUNG	TD5	09	1	15		90	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN CHIEN	TD5	03-04	2	7		80	KHOAN	Vietnamese
10	DINH DUY HUNG	TD1	20	1	7		82	APAVE	Vietnamese
11	HOANG VAN NAM	TD1	21	1	8		84	KHOAN	Vietnamese
12	LE QUOC BAO	TD1	22	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LANG	TD1	23	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DANG LAM	TD1	24	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG ANH TUAN	TD1	25	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	DINH XUAN HOA	TD1	26	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG NGOC QUAN	TD1	27-28	2	15		81	KHOAN	Vietnamese
18	BUI XUAN KHOA	TD1	29-30	2	15		56	KHOAN	Vietnamese
19	DINH VAN TRONG	TD1	31	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	MAI ANH TUAN	TD1	32	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
21	LE TRONG LUONG	TD1	33	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	2	2	25	127	0	2		
2	TD5	7	8	74	528	60	5		
3	TD1	12	14	83	856	0	14		
TOTAL		21	24	182	1.511	60	21		
WEIGHT KG				182	1.511	60			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/11/2022	TO: RC5 - BK14 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Dương - Linh - QTrưởng	ETA: 11:40
XANH-2			

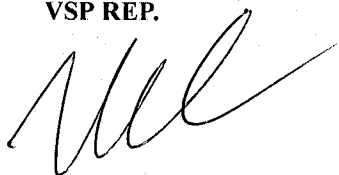
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN NGOC TUAN	RC5	34	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VAN CAO	RC5	33	1	11	10	57	XAY LAP	Vietnamese
3	TRAN BINH TRONG	RC5	31-32	2	15		79	XAY LAP	Vietnamese
4	LE VAN NHAN	RC5	35-36	2	15		70	XAY LAP	Vietnamese
5	TRAN KHA	BK14	94,96	2	15		67	XAY LAP	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC TUNG	BK14	97	1	9	42	72	CO DIEN	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC KHOA	BK14	98	1	11		95	CO DIEN	Vietnamese
8	HOANG VAN HUNG	CLO	85	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	VLASOV ALEKSANDR	CLO	82	1	3		90	KHOAN	Russian
10	NGUYEN VAN TRUNG	CLO	88	1	9		79	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TUONG LONG	CLO	78	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
12	VU THE NANG	CLO	86	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
13	VU VAN LONG	CLO	90	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN DAC KIM	CLO	79-80	2	9	40	64	KHOAN	Vietnamese
15	LE VAN LY	CLO	89	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
16	DANG KIM DUONG	CLO	91	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM NAM HAI	CLO	83	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG HUU THO	CLO	87	1	3		73	PSV	Vietnamese
19	LE MINH HOAN	CLO	81	1	7		76	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THANG	CLO					82	KHOAN	Vietnamese
21	VO HONG DUNG	CLO	84	1	4		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	4	6	51	261	10	0		
2	BK14	3	4	35	234	42	1		
3	CLO	14	14	68	1.034	40	15		
TOTAL		21	24	154	1.529	92	16		
WEIGHT KG				154	1.529	92			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

